|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN****TỈNH BẮC KẠN KHÓA X****KỲ HỌP THỨ 24** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**GỢI Ý THẢO LUẬN TỔ**

***(Phục vụ đại biểu thảo luận tại Tổ chiều ngày 10/12/2024)***



**1. Nghị quyết phân bổ và giao dự toán kinh phí sự nghiệp cho các đơn vị, địa phương thực hiện nhiệm vụ năm 2024 *(bổ sung lần 5)***

**Tại Tờ trình số 237/TTr-UBND ngày 14/11/2024,** UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ và giao dự toán kinh phí sự nghiệp cho các đơn vị, địa phương thực hiện nhiệm vụ năm 2024 *(bổ sung lần 5)* với tổng số tiền 36.754,91 triệu đồng, cụ thể như sau:

- Kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP của Chính phủ: 1.389,73 triệu đồng*.*

- Kinh phí thực hiện một số chính sách an sinh xã hội và nhiệm vụ năm 2024 còn thiếu trên địa bàn tỉnh: 30.322,321 triệu đồng.

- Bổ sung kinh phí bảo vệ và phát triển rừng năm 2021 thuộc Tiểu dự án 1, Dự án 3 Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi từ nguồn Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thu hồi về ngân sách cấp tỉnh năm 2024: 5.042,859 triệu đồng.

**Qua thẩm tra tại Báo cáo số 246/BC-HĐND ngày 02/12/2024,** Ban Kinh tế - Ngân sách nhất trí với phương án phân bổ và đề nghị chỉ đạo thực hiện hoàn trả nguồn kinh phí của ngân sách tỉnh năm 2024 ngay sau khi được Trung ương cấp bổ sung kinh phí theo quy định.

**UBND tỉnh đã có tiếp thu giải trình tại Báo cáo số 820/BC-UBND ngày 05/12/2024:** Theo đó, đã tiếp thu, trình phân bổ với số tiền là 95.628,155 triệu đồng *(tăng 58.873,245 triệu đồng so với số liệu tại Tờ trình số 237/TTr-UBND ngày 16/11/2024 của UBND tỉnh)*, cụ thể nội dung tăng thêm như sau:

- Phân bổ kinh phí thực hiện một số chính sách an sinh xã hội và nhiệm vụ năm 2024 còn thiếu trên địa bàn tỉnh: 2.160,2 triệu đồng cho huyện Ngân Sơn và thành phố Bắc Kạn do các đơn vị này rà soát thiếu.

- Phân bổ dự toán cho các đơn vị, địa phương thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 3 Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 607,045 triệu đồng từ nguồn Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thu hồi về ngân sách cấp tỉnh năm 2024 cho UBND huyện Chợ Đồn và Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bắc Kạn do đơn vị rà soát thiếu và bổ sung số kinh phí còn thiếu so với dự toán được giao khi thực hiện theo mức chi quy định tại Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp.

- Phân bổ kinh phí thực hiện cải cách tiền lương năm 2024 đợt 02 là 56.106 triệu đồng *(UBND huyện Bạch Thông: 13.563 triệu đồng; UBND huyện Chợ Mới: 16.540 triệu đồng; UBND huyện Chợ Đồn: 14.724 triệu đồng; UBND thành phố Bắc Kạn: 11.279 triệu đồng)* từ các nguồn sau:

+ Nguồn sự nghiệp kinh tế tỉnh điều hành năm 2024: 55.000 triệu đồng *(nguồn trong năm thu hồi từ các đơn vị, địa phương về ngân sách tỉnh).*

+ Nguồn sự nghiệp quản lý hành chính tỉnh điều hành năm 2024: 1.106 triệu đồng *(nguồn trong năm thu hồi từ các đơn vị, địa phương về ngân sách tỉnh)*.

Sau khi Trung ương cấp bổ sung kinh phí thực hiện cải cách tiền lương năm 2024, UBND tỉnh sẽ thực hiện hoàn trả đầy đủ số tiền đã tạm ứng từ các nguồn kinh phí ngân sách cấp tỉnh điều hành theo quy định.

*Đại biểu có nhất trí với báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và Báo cáo tiếp thu giải trình của UBND tỉnh không? Ý kiến khác của đại biểu.*

**2. Nghị quyết quy định tỷ lệ để lại tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

**Tại Tờ trình số 253/TTr-UBND ngày 15/11/2024,** UBND tỉnh trình quy định tỷ lệ để lại tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn như sau:

- Đối với tổ chức cung cấp nước sạch: Để lại 8% trên tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho hoạt động thu phí *(tăng 3% so với Nghị quyết số 06 của HĐND tỉnh)*.

- Đối với UBND phường, thị trấn: Để lại 25% trên tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho hoạt động thu phí *(giữ nguyên mức theo Nghị quyết số 06 của HĐND tỉnh)*.

**Thẩm tra tại Báo cáo số 242/BC-HĐND ngày 02/12/2024,** Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh có ý kiến như sau: Mức tỷ lệ trích để lại đối với tổ chức cung cấp nước sạch đang được Sở Tài chính tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng trên cơ sở tỷ lệ trích để lại và chi phí trang trải cho hoạt động thu phí của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bắc Kạn. Do đó, tỷ lệ trích để lại 8% đảm bảo phù hợp với phương án giá nước và chi phí trang trải cho hoạt động thu phí của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bắc Kạn, tuy nhiên UBND tỉnh chưa đánh giá sự phù hợp của tỷ lệ trích để lại nêu trên khi áp dụng đối với Hợp tác xã Nước sạch và Vệ sinh môi trường huyện Ngân Sơn tổ chức thực hiện trong thời gian tới. Đề nghị UBND tỉnh báo cáo giải trình rõ thêm để làm cơ sở cho đại biểu HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

**UBND tỉnh đã có tiếp thu giải trình tại Báo cáo số 844/BC-UBND ngày 06/12/2024**: UBND tỉnh đã xin ý kiến UBMTTQVN tỉnh và giải trình ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách. Trong thời gian tới, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo địa phương xây dựng lại đơn giá bán nước, trong đó sẽ tính phí bảo vệ môi trường trong đơn giá để làm cơ sở thu phí bảo vệ môi trường theo quy định; khi đó, tỷ lệ trích để lại tiền phí bảo vệ môi trường áp dụng bằng với mức tại Nghị quyết này.

*Đại biểu có nhất trí với Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và Báo cáo tiếp thu giải trình của UBND tỉnh không? Ý kiến khác của đại biểu?*

**3. Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức thu, miễn, giảm; thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 19/7/2022 (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 01/8/2023) của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn**

**\* Tại Tờ trình số 255/TTr-UBND ngày 15/11/2024,** UBND tỉnh trình HĐND tỉnh các nội dung như sau:

- Sửa đổi, bổ sung 04 nội dung *“hộ nghèo, hộ cận nghèo; người có công với cách mạng”* tương ứng tại các khoản: Khoản 4 Điều 8, khoản 4 Điều 11, khoản 4 Điều 12, khoản 4 Điều 18, khoản 4 Điều 19 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết.

- Sửa đổi, bổ sung nội dung tại Điều 21 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết, trong đó, quy định mức thu bằng không *(0 đồng)* đối với một số khoản lệ phí cung cấp dịch vụ công trực tuyến: Lệ phí hộ tịch; Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất đối với hộ gia đình, cá nhân người Việt Nam; Lệ phí cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ.

**\* Thẩm tra tại Báo cáo số 252/BC-HĐND ngày 02/12/2024**, Ban Kinh tế - Ngân sách Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh nhất trí.

*Đại biểu có nhất trí với báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh không?* *Ý kiến khác của đại biểu?*

**4. Nghị quyết ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

**Tại Tờ trình số 236/TTr-UBND ngày 04/11/2024**, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách trên địa bàn tỉnh với các nội dung chính như sau:

- Giữ nguyên 122 danh mục dịch vụ sự nghiệp công vẫn còn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp, phù hợp với nhu cầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công và các quy định của pháp luật hiện hành.

- Bổ sung 26 danh mục dịch vụ sự nghiệp công; sửa đổi 06 danh mục và bãi bỏ 18 danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước.

**Qua thẩm tra tại Báo cáo số 250/BC-HĐND ngày 02/12/2024**, Ban Kinh tế - Ngân sách cơ bản nhất trí. Tuy nhiên, đề nghị UBND tỉnh báo cáo, làm rõ thêm căn cứ, sự cần thiết bổ sung danh mục các dịch vụ sau: (1) Dịch vụ báo chí, xuất bản thuộc lĩnh vực sự nghiệp Thông tin và truyền thông; (2) Dịch vụ khác thuộc Hoạt động kinh tế Tài nguyên và Môi trường; (3) Dịch vụ văn hoá thuộc lĩnh vực sự nghiệp Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

**UBND tỉnh đã có tiếp thu giải trình tại Báo cáo số 844/BC-UBND ngày 06/12/2024:** Theo đó, cả 03 danh mục dịch vụ sự nghiệp công nêu trên đều thuộc khung danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ; đã có văn bản của trung ương quy định hoặc hướng dẫn xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật; đồng thời phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập và có biểu thuyết minh kèm theo tờ trình.

*Đại biểu có nhất trí với ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và báo cáo tiếp thu giải trình của UBND tỉnh không? Ý kiến khác của đại biểu.*

**5. Nghị quyết quy định về thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ và kinh phí thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng từ nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

**Tại Tờ trình số 260/TTr-UBND ngày 24/11/2024**, UBND tỉnh trình quy định thẩm quyền phêduyệt nhiệm vụ và kinh phí thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng từ nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh theo cấp ngân sách và mức tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ**.**

**Qua thẩm tra tại Báo cáo số 243/BC-HĐND ngày 02/12/2024**, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị UBND tỉnh bổ sung làm rõ một số nội dung sau:

*a) Về quy định thẩm quyền:*

- Đề nghị xem xét định mức quy định tại dự thảo Nghị quyết có đảm bảo thống nhất với thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ quy định tại Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 và Nghị quyết số 14/2024/NQ-HĐND ngày 30/10/2024 hay chưa.

- Làm rõ thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị đối với nguồn kinh phí theo định mức phân bổ có tổng dự toán kinh phí thực hiện từ 02 tỷ đồng/nhiệm vụ trở lên; thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng đối với nguồn kinh phí theo định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách có dự toán kinh phí thực hiện từ 500 triệu đồng/nhiệm vụ trở lên.

- Bổ sung, làm rõ sự cần thiết quy định thẩm quyền phê duyệt dự toán mua sắm đối với nguồn kinh phí theo định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên nêu trên *(kinh phí đơn vị được giao tự chủ)*.

- Làm rõ cơ sở phân định nhiệm vụ đối với UBND cấp xã.

*b) Về tổ chức thực hiện:*

Nghị quyết do HĐND tỉnh ban hành mới chỉ quy định thẩm quyền phêduyệt nhiệm vụ và kinh phí thực hiện, chưa quy định cụ thể trình tự, thủ tục thực hiện, do đó, để các cơ quan, đơn vị có cơ sở thực hiện đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước, đề nghị UBND tỉnh hướng dẫn, tổ chức thực hiện theo quy định.

**UBND tỉnh đã có tiếp thu giải trình tại Báo cáo số 835/BC-UBND ngày 06/12/2024.** UBND tỉnhđã chỉnh sửa dự thảo nghị quyết theo hướng giảm định mức dự toán UBND xã phê duyệt.

*Đại biểu có nhất trí với ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến tiếp thu, giải trình của UBND tỉnh không? Đối với nguồn kinh phí thực hiện tự chủ: Dự toán năm kế hoạch được xây dựng trên cơ sở định mức phân bổ tại Nghị quyết số Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh về Ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn. Mặt khác tại khoản 1 Điều 5 và khoản 1 Điều 8 Nghị định 138/2024/NĐ-CP quy định:“.. trình cơ quan xem xét, phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ làm cơ sở để xây dựng dự toán ngân sách của năm kế hoạch”. Do đó, việc các đơn vị phê duyệt dự toán nhiệm vụ và kinh phí thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng* ***để làm căn cứ xây dựng dự toán năm kế hoạch*** *từ nguồn kinh phí thực hiện tự chủ nêu trên có phù hợp với Nghị quyết trên của HĐND tỉnh không? Ý kiến khác của đại biểu.*

**6. Nghị quyết quy định mức hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước để xây dựng hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

**Tại Tờ trình số 246/TTr-UBND ngày 15/11/2024,** UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định mức hỗ trợ kinh phí cho các thôn, tổ dân phố, tổ nhân dân, tiểu khu (gọi tắt là thôn) để xây dựng hương ước, quy ước với mức: 1.000.000 đồng/lần/thôn; nguồn kinh phí từ ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách hiện hành.

**Qua thẩm tra tại Báo cáo số 222/BC-HĐND ngày 02/12/2024,** Ban Văn hóa – Xã hội nhận thấy: Căn cứ vào khả năng cân đối kinh phí, giai đoạn này chỉ hỗ trợ một phần kinh phí cho các cộng đồng dân cư xây dựng quy ước, hương ước là phù hợp với điều kiện thực tế. Tuy nhiên, đề nghị UBND tỉnh làm rõ cơ sở xác định số lượng thôn dự kiến xây dựng hương ước, quy ước hằng năm để làm cơ sở tính toán và cân đối kinh phí thực hiện; đồng thời làm rõ khả năng cân đối kinh phí của các xã, phường, thị trấn và kinh phí thực hiện của năm 2025 khi thực hiện sáp nhập các thôn, trường hợp những địa phương không đảm bảo được kinh phí hỗ trợ thì việc tổ chức triển khai nghị quyết được thực hiện như thế nào?

 **UBND tỉnh đã có tiếp thu giải trình tại Công văn số 9029/UBND-VXNV ngày 05/12/2024** như sau: Việc hỗ trợ xây dựng hương ước, quy ước chỉ áp dụng khi hương ước, quy ước bị tạm ngừng thực hiện toàn bộ (trong 3 năm trở lại đây không có xây dựng mới mà có khoảng 200 bản sửa đổi, bổ sung). Trong năm 2025, dự kiến sáp nhập 345 thôn trên địa bàn tỉnh, như vậy dự kiến sẽ phát sinh kinh phí khoảng 345.000.000 đồng để xây dựng hương ước, quy ước. Kinh phí phát sinh trong thực hiện chính sách năm 2025, được đảm bảo từ nguồn ngân sách cấp huyện cấp bổ sung cho ngân sách cấp xã *(có 7/8 huyện (UBND thành phố không có ý kiến phản hồi) đã nhất trí theo đề xuất của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch).*

 *Đại biểu có nhất trí với ý kiến thẩm tra của Ban Văn hóa – Xã hội và ý kiến giải trình của UBND tỉnh không? Ý kiến khác của đại biểu (nếu có).*

**7. Nghị quyết quy định mức chi phí chi trả đối với dịch vụ chi trả trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

**Tại Tờ trình số 239/TTr-UBND ngày 14/11/2024**, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quy định mức phí chi trả thông qua tổ chức dịch vụ chi trả tối đa bằng 1,05% trên tổng số tiền thực tế chi trả cho các đối tượng bảo trợ xã hội như đang thực hiện. Dự kiến kinh phí thực hiện chi trả đối với dịch vụ chi trả khoảng 1,4 tỷ đồng/năm và được đảm bảo từ nguồn kinh phí chi thường xuyên thuộc lĩnh vực đảm bảo xã hội giao cho UBND các huyện, thành phố hằng năm.

**Qua thẩm tra tại Báo cáo số 221/BC-HĐND ngày 02/12/2024,** Ban Văn hóa – Xã hội nhất trí với mức chi phí chi trả đối với dịch vụ chi trả trợ giúp xã hội theo đề xuất của UBND tỉnh.

*Đại biểu có nhất trí với ý kiến thẩm tra của Ban Văn hóa – Xã hội không? Ý kiến khác của đại biểu.*

**8.** **Nghị quyết quy định giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán, giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do ngân sách nhà nước thanh toán, giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc tỉnh Bắc Kạn quản lý**

**Tờ trình số 256/TTr-UBND ngày 21/11/2024 và Tờ trình số 271/TTr-UBND ngày 04/12/2024,** UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét quyết định 04 nhóm giá dịch vụ cụ thể gồm: Giá dịch vụ khám bệnh, hội chẩn; giá dịch vụ ngày giường bệnh; giá dịch vụ kỹ thuật, xét nghiệm và giá dịch vụ kỹ thuật thực hiện bằng phương pháp vô cảm gây tê chưa bao gồm chi phí thuốc và oxy sử dụng cho dịch vụ theo quy định. Phương pháp định giá gồm phương pháp so sánh và phương pháp chi phí do các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đề xuất xây dựng và đảm bảo mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo nguyên tắc chi phí tiền lương kết cấu vào giá dịch vụ khám chữa bệnh được điều chỉnh theo mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng nhưng chưa đưa Quỹ tiền thưởng hằng năm nằm ngoài quỹ khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng vào giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh. Danh mục dịch vụ đề xuất quy định giá thuộc danh mục đã được phê duyệt và thuộc danh mục theo quy định của Bộ Y tế.

**Qua thẩm tra tại Báo cáo số 211/BC-HĐND ngày 02/12/2024 và Báo cáo số 266/BC-HĐND ngày 06/12/2024**, Ban Văn hóa – Xã hội cơ bản nhất trí giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh như UBND tỉnh trình. Tuy nhiên, Ban nhận thấy:

- Danh mục dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đang đề nghị quy định giá có số lượng rất lớn. Do đó, đề nghị UBND tỉnh đảm bảo về tính chính xác của tên dịch vụ, mã tương đương, giá dịch vụ tại các Phụ lục kèm theo Nghị quyết.

- Việc xây dựng các phụ lục giá gồm danh mục cho tất cả các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh với danh mục số lượng dịch vụ lớn, không phân biệt được danh mục đã được phê duyệt và chưa được phê duyệt của từng cơ sở; gây khó khăn trong tra cứu giá dịch vụ. Đề nghị UBND tỉnh tách riêng danh mục của từng cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tại mỗi phụ lục.

- UBND tỉnh trình 02 loại danh mục dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh gồm danh mục dịch vụ đã được Sở Y tế phê duyệt và danh mục dịch vụ chưa được Sở Y tế phê duyệt. Đề nghị UBND tỉnh làm rõ lý do trình, căn cứ để xây dựng giá đối với danh mục dịch vụ chưa được Sở Y tế phê duyệt. Đồng thời đề nghị chỉ đạo Sở Y tế khẩn trương phê duyệt các danh mục dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đã đủ điều kiện để các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tổ chức thực hiện, đối với các dịch vụ đã được quy định giá nhưng chưa được phê duyệt thì chỉ được thực hiện khi đã có quyết định phê duyệt của Sở Y tế.

- Một số cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc đối tượng áp dụng của Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 28/3/2024 của HĐND tỉnh Bắc Kạn quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước thuộc tỉnh Bắc Kạn quản lý và mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp, nhưng không được đề cập tại nghị quyết này, đề nghị UBND tỉnh thuyết minh, làm rõ.

Đồng thời, qua thẩm tra cho thấy, giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tăng lên là điều kiện thuận lợi để các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nâng cao hơn nữa chất lượng chăm sóc sức khỏe Nhân dân. Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo ngành y tế tiếp tục tăng cường chất lượng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, đáp ứng nhu cầu của người dân.

 **UBND tỉnh đã có tiếp thu giải trình tại Báo cáo số 823/BC ngày 05/12/2024 và Báo cáo số 833/BC-HĐND ngày 06/12/2024,** như sau:

 - Theo quy định tại Khoản 4 Điều 15 Thông tư số 21/2024/TT-BYT ngày 17/10/2024 của Bộ Y tế: Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (đơn vị thực hiện xây dựng phương án giá) chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp lý, hợp lệ của số liệu, tài liệu của hồ sơ phương án giá. Các cơ sở khám bệnh chữa bệnh của Nhà nước thuộc tỉnh Bắc Kạn quản lý thực hiện rà soát lại tên dịch vụ, mã tương đương, giá dịch vụ tại các Phụ lục kèm theo Nghị quyết và tổng hợp tách riêng danh mục của từng cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tại mỗi Phụ lục.

 - Để các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được khám bệnh, chữa bệnh, thu tiền người bệnh và thanh quyết toán với Quỹ bảo hiểm y tế đối với 01 dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh phải đảm bảo có đủ 02 điều kiện: (1) Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh của đơn vị phải có giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt; (2) Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh được phê duyệt. Nhằm đáp ứng yêu cầu thực tế công tác khám, chữa bệnh trong trường hợp các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh thì sẽ có ngay giá dịch vụ để triển khai thực hiện mà không phải trình phê duyệt bổ sung phương án giá. Việc phê duyệt giá đối với danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt không làm ảnh hưởng đến việc thanh quyết toán và triển khai các dịch vụ kỹ thuật tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

 - UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung quy định giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của Phòng khám đa khoa trực thuộc Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh. Đối với giá dịch vụ của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân thực hiện theo quy định tại Khoản 8 Điều 110 Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023. Đối với Bệnh xá Công an tỉnh, Bệnh xá Tỉnh đội thực hiện thu giá dịch vụ theo quy định tại Điểm b Khoản 5 Điều 110 Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023.

 *Đại biểu có nhất trí với ý kiến thẩm tra của Ban Văn hóa – Xã hội và giải trình tiếp thu của UBND tỉnh không? Ý kiến khác của đại biểu (nếu có).*

**9. Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 28/3/2024 của HĐND tỉnh Bắc Kạn quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ Bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước thuộc tỉnh Bắc Kạn quản lý và mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp**

**Tờ trình số 231/TTr-UBND ngày 14/11/2024**, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bãi bỏ Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 28/3/2024 của HĐND tỉnh quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ Bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước thuộc tỉnh Bắc Kạn quản lý và mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp do UBND tỉnh đang trình hồ sơ dự thảo Nghị quyết quy định giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán, giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do ngân sách nhà nước thanh toán, giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc tỉnh Bắc Kạn quản lý.

**Qua thẩm tra tại Báo cáo số 219/BC-HĐND ngày 02/12/2024,** Ban Văn hóa – Xã hội nhất trí với nội dung do UBND tỉnh trình.

*Đại biểu có nhất trí với ý kiến thẩm tra của Ban Văn hóa – Xã hội không? Ý kiến khác của đại biểu.*

**10.** **Nghị quyết về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án xây dựng tuyến đường Quảng Khê - Khang Ninh, huyện Ba Bể (lần 2)**

**Tại Tờ trình số 261/TTr-UBND ngày 24/11/2024,** UBND tỉnh trình HĐND tỉnh điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án xây dựng tuyến đường Quảng Khê - Khang Ninh, huyện Ba Bể như sau:

**Qua thẩm tra tại Báo cáo số 239/BC-HĐND ngày 02/12/2024,** Ban Kinh tế - Ngân sách có một số ý kiến như sau:

- Cơ sở thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với các nội dung kéo dài thời gian thực hiện dự án, bổ sung thiết kế, tăng tổng mức đầu tư dự án:

Theo báo cáo của UBND tỉnh, do ảnh hưởng của mưa lũ đã gây xói lở, sạt trượt, nguy cơ mất ổn định công trình dẫn đến phát sinh khối lượng khắc phục sạt lở, xử lý sạt trượt taluy dương và gia cố mái taluy âm tại các vị trí có nguy cơ xói lở cao. Tuy nhiên tại Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư và Tờ trình dự thảo nghị quyết chưa đánh giá tiến độ, khối lượng thực hiện, tình hình giải ngân nguồn vốn đến thời điểm hiện tại của dự án, tình hình sử dụng số kinh phí dự phòng của dự án *(13.445 triệu đồng theo Quyết định số 1140 /QĐ-UBND ngày 01/7/2024 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh dự án)*. Ngoài ra, chưa đánh giá khả năng hoàn thành các hạng mục đang triển khai thực hiện của dự án trong năm 2024 theo kế hoạch mà chỉ báo cáo các khó khăn phát sinh cần phải xử lý do mưa lũ gây ra.

- Về cách xác định tổng mức đầu tư bổ sung: UBND tỉnh đang áp dụng định mức 5,3% để tính toán Chi phí chung thuộc Chi phí gián tiếp tại các Bảng tổng hợp chi phí xây dựng chưa phù hợp với theo quy định tại Phụ lục III, Phương pháp xác định chi phí xây dựng Ban hành kèm theo Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; cách tính phí bảo vệ môi trường sau thuế tại chi phí khác của dự án chưa chính xác. Đề nghị UBND tỉnh tiếp tục rà soát, điều chỉnh cho phù hợp theo quy định.

- Về khả năng cân đối nguồn vốn để bố trí bổ sung thực hiện dự án (55 tỷ đồng): Theo Báo của Sở Kế hoạch và Đầu tư dự kiến bổ sung từ nguồn vốn ngân sách địa phương cấp tỉnh *(Nguồn tăng thu, thiết kiệm chi năm 2024; nguồn vốn dư của các công trình quyết toán...)*.

Thẩm tra của Ban cho thấy, hiện nay nguồn tăng thu, tiết kiệm chi năm 2024 chưa xác định được cụ thể, kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương và trung ương cơ bản đã phân bổ hết, đồng thời các dự án quyết toán, hoàn thành cũng chưa xác định được kinh phí còn dư; mặt khác chưa có ý kiến của Thường trực HĐND tỉnh về phương án sử dụng số tăng thu và tiết kiệm chi theo quy định tại điểm c, Khoản 2, Điều 59 của Luật NSNN, chưa có ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phương án sử dụng số tăng thu và tiết kiệm chi theo quy định tại Khoản 4, Điều 2 trong Quy chế làm việc của Ban chấp hành đảng bộ tỉnh khóa XII, nhiệm kỳ 2020-2025.

- Về việc kéo dài thời gian bố trí vốn thực hiện dự án: Nội dung này thuộc thẩm quyền HĐND tỉnh đối với các dự án sử dụng nguồn ngân sách địa phương, tuy nhiên không nằm trong các nội dung thuộc chủ trương đầu tư của dự án.

**UBND tỉnh đã có tiếp thu giải trình tại Báo cáo số 828/BC-UBND ngày 05/12/2024:** Theo đó, UBND tỉnh đã báo cáo bổ sung về tiến độ triển khai thực hiện dự án, khối lượng thực hiện, tình hình giải ngân vốn, dự phòng của dự án và khẳng định dự án không thể hoàn thành trong năm 2024 theo kế hoạch; đã điều chỉnh lại số liệu chưa chính xác tại cách tính tổng mức đầu tư dự án, phân bổ về vốn dự phòng; báo cáo về dự kiến nguồn vốn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách cấp tỉnh năm 2024, cam kết đủ nguồn để bố trí cho dự án, đã có ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; đề nghị đưa nội dung kéo dài thời gian bố trí vốn thực hiện dự án vào nghị quyết kỳ họp.

*Đại biểu có nhất trí với báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và các nội dung tiếp thu, giải trình của UBND tỉnh không? Có nhất trí điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án* *xây dựng tuyến đường Quảng Khê - Khang Ninh, huyện Ba Bể gồm tăng tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn và kéo dài thời gian thực hiện dự án không? Có nhất trí kéo dài thời gian bố trí vốn cho dự án từ 4 năm lên 5 năm không ? Ý kiến khác của đại biểu.*

**11.** **Nghị quyết quy định các tiêu chí để quyết định thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất xây dựng khu đô thị, khu dân cư nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

**Tại Tờ trình số 243/TTr-UBND ngày 15/11/2024**, UBND tỉnh trình quy định các tiêu chí để quyết định thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất xây dựng khu đô thị, khu dân cư nông thôn trên địa bàn tỉnh với các nội dung chính như sau:

1. Tiêu chí để quyết định thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất xây dựng khu đô thị, khu dân cư nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn:

a) Có quy hoạch chi tiết hoặc có quy hoạch phân khu được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

b) Phù hợp với quy hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Tiêu chí về quy mô dự án đối với dự án khu đô thị: Đáp ứng tiêu chí tối thiểu theo quy định của pháp luật xây dựng.

d) Tiêu chí về quy hoạch, kiến trúc của dự án

- Đối với dự án khu đô thị: Có công năng phục vụ hỗn hợp, đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội với nhà ở phù hợp với chương trình, kế hoạch phát triển đô thị; phù hợp với quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các quy hoạch chuyên ngành khác có liên quan.

- Đối với dự án khu dân cư nông thôn: Phù hợp với quy hoạch chung xây dựng xã, quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các quy hoạch chuyên ngành khác có liên quan.

2. Nguyên tắc áp dụng tiêu chí:

a) Dự án khu đô thị, khu dân cư nông thôn thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư khi đáp ứng đầy đủ các tiêu chí quy định tại Nghị quyết này.

b) Trường hợp khu đất thực hiện dự án bao gồm phần đất thuộc quy hoạch phát triển đô thị và phần đất phát triển nhà ở nông thôn thì áp dụng tiêu chí đối với khu đô thị để quyết định thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án.

c) Tiêu chí quy định tại Nghị quyết này là cơ sở để Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định danh mục các khu đất thực hiện đấu thầu dự án đầu tư có sử dụng đất xây dựng khu đô thị, khu dân cư nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, phù hợp với các quy định hiện hành.

**Qua thẩm tra tại Báo cáo số 247/BC-HĐND ngày 02/12/2024**, Ban Kinh tế - Ngân sách cơ bản nhất trí. Ban đề nghị quy định cụ thể tiêu chí về quy mô, diện tích dự án để thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất xây dựng khu đô thị theo nội dung đã nêu tại Phụ lục I cơ sở đề xuất các tiêu chí kèm theo Tờ trình dự thảo nghị quyết. Cụ thể: *“Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị có nhà ở hình thành từ một đơn vị ở trở lên theo quy hoạch phân khu được phê duyệt hoặc dự án có quy mô sử dụng đất từ 20 héc ta trở lên đối với trường hợp quy hoạch phân khu không xác định rõ các đơn vị ở”*

Lý do: Tờ trình của UBND tỉnh quy định tiêu chí còn chung chung, dẫn đến khó khăn trong quá trình thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, phê duyệt danh mục các khu đất thực hiện đấu thầu.

- Hồ sơ dự thảo nghị quyết chưa lấy ý kiến của Ủy ban MTTQVN tỉnh theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ*.*

**Tại Báo cáo số 831/BC-UBND ngày 06/12/2024,** UBND tỉnh đã tiếp thu các ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, đã lấy ý kiến của UBMTTQVN tỉnh và quy định cụ thể tiêu chí về quy mô, diện tích dự án để thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất xây dựng khu đô thị theo ý kiến thẩm tra.

*Đại biểu có nhất trí với ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và Báo cáo tiếp thu giải trình của UBND tỉnh không? Ý kiến khác của đại biểu.*

**12. Nghị quyết về danh mục các khu đất thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

**Tại Tờ trình số 244/TTr-UBND ngày 15/11/2024,** UBND tỉnh trình HĐND tỉnh danh mục 05 khu đất thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

- 02 khu đất thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu dân cư nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn *(Dự án đầu tư có sử dụng đất quy định tại điểm a khoản 1 Điều 126 Luật Đất đai).*[[1]](#footnote-1)

- 03 khu đất thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất quy định tại Điều 79 Luật Đất đai 2024 thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực.[[2]](#footnote-2)

**Thẩm tra tại Báo cáo số 212/BC-HĐND ngày 02/12/2024,** Ban Dân tộc HĐND tỉnh có ý kiến như sau:

- Đối với *“Khu đất đề xuất thực hiện dự án Cụm dân cư trung tâm xã Nam Cường, huyện Chợ Đồn”*, theo biểu danh mục công trình, dự án trong Báo cáo thuyết minh tổng hợp Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021- 2030 huyện Chợ Đồn được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1315/QĐUBND ngày 31/7/2024 có diện tích quy hoạch là 2,24 ha, tuy nhiên hiện nay UBND tỉnh đang trình danh mục khu đất với diện tích là 4,52 ha. Đề nghị làm rõ sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 huyện Chợ Đồn với danh mục khu đất nêu trên.

- Đối với *“Khu đất đề xuất thực hiện dự án Khu đô thị mới tại tổ 9, thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn”:* Khu đất chưa đảm bảo phù hợp với tiêu chí mà UBND tỉnh đang đề nghị HĐND tỉnh thông qua tại kỳ họp này, cụ thể: Khu đất đề xuất thực hiện dự án Khu đô thị mới tại tổ 9, thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn có diện tích là 8,06 ha chưa đáp ứng diện tích tối thiểu của pháp luật xây dựng về khu đô thị hỗn hợp là từ 20 héc ta trở lên. Do vậy, đề nghị chưa đưa vào Nghị quyết đối với danh mục khu đất trên.

 **UBND tỉnh tiếp thu tại Báo cáo số 822/BC-UBND** **ngày 05/12/2024,** theo đó, UBND tỉnh đã tiếp thu ý kiến thẩm tra của Ban Dân tộc và giải trình một số nội dung sau:

 - Về ý kiến đề nghị làm rõ sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 huyện Chợ Đồn với danh mục *“Khu đất đề xuất thực hiện dự án Cụm dân cư trung tâm xã Nam Cường, huyện Chợ Đồn”:*

 Qua đối chiếu Bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021- 2030 huyện Chợ Đồn *(được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1315/QĐ-UBND ngày 31/7/2024)*, dự án Cụm dân cư Trung tâm xã Nam Cường, huyện Chợ Đồn đã được cập nhật ranh giới trên bản đồ quy hoạch sử dụng đất là 4,75 ha. Tuy nhiên, diện tích quy hoạch trong báo cáo thuyết minh điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 là 2,24 ha do có sự nhầm lẫn số liệu trong quá trình lập điều chỉnh *(Phần biểu - Phụ lục 01)*. UBND tỉnh sẽ chỉ đạo UBND huyện Chợ Đồn cập nhật lại số liệu diện tích quy hoạch cho chính xác *(4,75ha)* trong các hồ sơ có liên quan. Theo hồ sơ trình của UBND tỉnh thì diện tích khu đất dự án là 4,52 ha là phù hợp *(diện tích dự án có thể nhỏ hơn hoặc bằng diện tích lập quy hoạch).*

 - Đối với ý kiến đề nghị đưa ra khỏi danh mục đối với “Khu đất đề xuất thực hiện dự án Khu đô thị mới tại tổ 9, thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn” do chưa đáp ứng diện tích tối thiểu của pháp luật xây dựng về khu đô thị hỗn hợp là từ 20 héc ta trở lên: UBND tỉnh đã tiếp thu và chỉnh sửa dự thảo nghị quyết theo ý kiến thẩm tra của Ban Dân tộc

 - Các nội dung thẩm tra còn lại đã được UBND tỉnh tiếp thu.

 *Đại biểu có nhất trí với Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc HĐND tỉnh và Báo cáo tiếp thu, giải trình của UBND tỉnh không? Ý kiến khác của đại biểu?*

**13. Nghị quyết quy định mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư thực hiện một số chính sách trong lĩnh vực lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

**Tại Tờ trình số 242/TTr-UBND ngày 15/11/2024,** UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quy định 13 nội dung thực hiện một số chính sách trong lĩnh vực lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn theo quy định tại khoản 3, Điều 27 và điểm e, khoản 2, Điều 15 Nghị định số 58 của Chính phủ, cụ thể:

- Mức cấp kinh phí, gồm 3 nội dung sau: Bảo vệ rừng đặc dụng; khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung thuộc quy hoạch rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; bảo vệ rừng phòng hộ.

- Mức hỗ trợ kinh phí, gồm 4 nội dung sau: Bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên trong thời gian đóng cửa rừng; khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung thuộc quy hoạch rừng sản xuất là rừng tự nhiên; xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng; khoán bảo vệ rừng.

- Mức đầu tư trồng rừng, nuôi dưỡng rừng tự nhiên, làm giàu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ.

- Mức hỗ trợ đầu tư, gồm 3 nội dung sau: Trồng rừng sản xuất và phát triển lâm sản ngoài gỗ;cơ sở sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp; trồng cây phân tán.

**-** Mức hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn.

**-** Mức trợ cấp gạo bảo vệ và phát triển rừng.

**Thẩm tra tại Báo cáo số 214/BC-HĐND ngày 02/12/2024,** Ban Dân tộc HĐND tỉnh có ý kiến như sau:

- Đề nghị làm rõ cơ sở đề xuất các mức cấp kinh phí, mức hỗ trợ kinh phí, mức đầu tư, mức hỗ trợ đầu tư tại dự thảo nghị quyết bằng với các mức quy định tại Nghị định số 58 của Chính phủ.

- Hiện nay, việc thực hiện nội dung khoán bảo vệ rừng thuộc Tiểu dự án 1 Dự án 3 Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN đang phát sinh vướng mắc như sau: Khoản 1 Điều 38 Nghị định số 58 của Chính phủ quy định: *“1. Đối với các chương trình, dự án, hoạt động đầu tư đã được phê duyệt theo các văn bản pháp luật hiện hành trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện theo chương trình, dự án đã được phê duyệt, mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư, trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định tại Nghị định này.”* Nghị định số 58 của Chính phủ có hiệu lực từ ngày 15/7/2024, nhưng tại kỳ họp này UBND tỉnh mới trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết. Do vậy, đề nghị UBND tỉnh làm rõ trong khoảng thời gian từ thời điểm Nghị định số 58 của Chính phủ có hiệu lực (15/7/2024) đến thời điểm Nghị quyết của HĐND tỉnh có hiệu lực thì mức hỗ trợ giao khoán bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh được thực hiện như thế nào.

 **UBND tỉnh tiếp thu tại Công văn số 9065/UBND-NNTNMT** **ngày 06/12/2024,** theo đó, UBND tỉnh đã tiếp thu ý kiến thẩm tra của Ban Dân tộc và giải trình một số nội dung.

*Đại biểu có nhất trí với Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc HĐND tỉnh và Công văn tiếp thu, giải trình của UBND tỉnh không? Mức cấp kinh phí, mức hỗ trợ kinh phí, mức đầu tư, mức hỗ trợ đầu tư được quy định tại Nghị quyết đã phù hợp chưa? Ý kiến khác của đại biểu?*

**14.** **Nghị quyết phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện các công trình, dự án *(bổ sung)* năm 2024 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

**Tại Tờ trình số 232/TTr-UBND ngày 14/11/2024,** UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với 02 dự án, gồm: (1) Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ Bản Lẹng, xã Hiệp Lực, huyện Ngân Sơn và xã Sỹ Bình, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn do Doanh nghiệp tư nhân Thành Long Bắc Kạn làm chủ đầu tư; (2) Dự án Cấp điện nông thôn tỉnh Bắc Kạn năm 2024 do Ban QLDA ĐTXD tỉnh làm chủ đầu tư.

Tổng diện tích rừng đề nghị phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác 1,3675 ha, trong đó: Rừng tự nhiên 0,912 ha; rừng trồng 0,4555 ha.

**Thẩm tra tại Báo cáo số 208/BC-HĐND ngày 02/12/2024, Ban Dân tộc HĐND tỉnh** nhất trí với các dự án đề nghị phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện bổ sung trong năm 2024 và đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các chủ đầu tư, đơn vị, địa phương liên quan thực hiện nghiêm túc quy trình, thủ tục về chuyển mục đích sử dụng rừng; thực hiện đúng vị trí, diện tích được thông qua tại Nghị quyết của HĐND tỉnh.

**UBND tỉnh tiếp thu tại Công văn số 9014/UBND-NNTNMT ngày 05/12/2024**.

*Đại biểu có nhất trí với Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc HĐND tỉnh và Công văn tiếp thu của UBND tỉnh không? Ý kiến khác của đại biểu?*

**15.** **Nghị quyết thông qua danh mục bổ sung công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất để thực hiện trong năm 2024**

**Tại Tờ trình số 250/TTr-UBND ngày 15/11/2024,** UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua danh mục chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất để thực hiện trong năm 2024 là 111 công trình, dự án[[3]](#footnote-3).

**Thẩm tra tại Báo cáo số 210/BC-HĐND ngày 02/12/2024, Ban Dân tộc HĐND tỉnh có ý kiến như sau:** Qua khảo sát của Ban, Công ty Điện lực Bắc Kạn đề nghị: Điều chỉnh diện tích đất rừng sản xuất từ 879 m² xuống còn 310 m² đối với dự án *“Xuất tuyến 35KV sau trạm biến áp 110KV Thanh Bình, tỉnh Bắc Kạn”* để đúng với diện tích thực tế và loại ra khỏi danh mục chuyển mục đích sử dụng đất dự án *“Tự động hóa lưới điện trung áp (DMS) tỉnh Bắc Kạn năm 2025”* do chủ đầu tư sau khi khảo sát không thực hiện xây dựng cột điện mới mà chỉ lắp đặt thiết bị trên cột điện hiện có. Ban đề nghị UBND tỉnh trên cơ sở xem xét ý kiến của chủ đầu tư, chỉnh sửa dự thảo nghị quyết để đại biểu HĐND tỉnh có cơ sở xem xét, quyết định.

**UBND tỉnh tiếp thu tại Báo cáo số 824/BC-UBND ngày 05/12/2024** và đã chỉnh sửa dự thảo nghị quyết để HĐND tỉnh xem xét, quyết định, theo đó UBND tỉnh đã điều chỉnh diện tích đất rừng sản xuất từ 879 m² xuống còn 310 m² đối với dự án *“Xuất tuyến 35KV sau trạm biến áp 110KV Thanh Bình, tỉnh Bắc Kạn”* để đúng với diện tích thực tế và loại ra khỏi danh mục chuyển mục đích sử dụng đất dự án *“Tự động hóa lưới điện trung áp (DMS) tỉnh Bắc Kạn năm 2025”.*

Sau khi điều chỉnh, tổng số công trình, dự án đề nghị thông qua danh mục chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất để thực hiện trong năm 2024 là 110 công trình, dự án.

*Đại biểu có nhất trí với Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc HĐND tỉnh và Báo cáo tiếp thu của UBND tỉnh không? Ý kiến khác của đại biểu?*

**16.** **Nghị quyết thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất để thực hiện trong năm 2025**

**Tại các Tờ trình: Số 249/TTr-UBND ngày 15/11/2024; số 264/TTr-UBND ngày 26/11/2024 và số 269/TTr-UBND ngày 29/11/2024,** UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất để thực hiện trong năm 2025theo quy định tại khoản 5 Điều 72 Luật Đất đai năm 2024 là **23** công trình, dự án[[4]](#footnote-4).

**Thẩm tra tại Báo cáo số 207/BC-HĐND ngày 02/12/2024,** Ban Dân tộc HĐND tỉnhnhất trí với danh mục danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất để thực hiện trong năm 2025 như các tờ trình dự thảo nghị quyết của UBND tỉnh.

 *Đại biểu có nhất trí với Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc HĐND tỉnh không? Ý kiến khác của đại biểu.*

**17. Nghị quyết về việc tổ chức các kỳ họp trong năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026**

*Đại biểu có nhất trí không? Ý kiến khác của đại biểu?*

**18. Nghị quyết về kết quả kỳ họp thứ 24**

- Đối với các báo cáo của Thường trực HĐND tỉnh về: Kết quả giám sát việc giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri trước và sau kỳ họp thứ 21, các ý kiến, kiến nghị của cử tri chưa giải quyết xong tại Báo cáo số 125/BC-HĐND ngày 12/7/2024 và Báo cáo 285/BC-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Thường trực HĐND tỉnh; Kết quả giám sát việc thực hiện nghị quyết, kết luận, kiến nghị sau giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực, các Ban, Tổ đại biểu HĐND tỉnh 07 tháng đầu năm 2024 và việc thực hiện các kiến nghị đang giải quyết theo Báo cáo số 113/BC-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Thường trực HĐND tỉnh.

- Báo cáo của Đoàn giám sát HĐND tỉnh về việc thực hiện các công trình, dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư;

- Báo cáo hoạt động của HĐND tỉnh năm 2024, nhiệm vụ năm 2025

*Đại biểu có nhất trí với những đánh giá, nhận định và đề xuất, kiến nghị tại các báo cáo nêu trên? Ý kiến khác của đại biểu.*

- Các báo cáo của UBND tỉnh: Công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật; Công tác phòng, chống tham nhũng; kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân…

*Ý kiến đánh giá của đại biểu về hiệu quả công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật; công tác phòng, chống, tham nhũng; kết quả thực hành tiết kiệm chống lãng phí và công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân trong thời gian qua? Cần bổ sung các giải pháp nào để thực hiện trong năm 2025.*

- Đối với Tờ trình dự thảo Nghị quyết thông qua quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất, mức đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm, mức đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn:

Tại Tờ trình số 254/TTr-UBND ngày 15/11/2024, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh các nội dung như sau:

Dự thảo Nghị quyết có 06 Điều *(Điều 1: Phạm vi điều chỉnh; Điều 2: Đối tượng áp dụng; Điều 3. Mức tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất hằng năm không thông qua hình thức đấu giá; Điều 4. Mức đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm; Điều 5. Mức đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước****;*** *Điều 6: Tổ chức thực hiện).* Bao gồmmột số nội dung cơ bản như sau:

+ Về mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất hằng năm không thông qua hình thức đấu giá.

+ Về mức đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm.

+ Về mức đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước.

Thẩm tra tại Báo cáo số 241/BC-HĐND ngày 02/12/2024, Ban Kinh tế - Ngân sách có ý kiến như sau:

+ Về mức đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm và mức đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước: Các nội dung đã bám sát quy định tại khoản 2 Điều 27 và khoản 2 Điều 28 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP của Chính phủ và đã được UBND tỉnh thuyết minh, giải trình cách xây dựng mức đơn giá. Do đó Ban thống nhất với các mức đơn giá do UBND tỉnh đề xuất.

+ Về mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất hằng năm không thông qua hình thức đấu giá: Ban cơ bản thống nhất với các nội dung UBND tỉnh đề xuất, tuy nhiên để rõ ràng, cụ thể hơn, đề nghị điều chỉnh một số nội dung.

+ Về thể thức thể thức dự thảo nghị quyết dự thảo nghị quyết:Chưa phù hợp với nghị quyết cho ý kiến *(thông qua)* của HĐND tỉnh, vì trong dự thảo nghị quyết thông qua nhưng lại chứa những nội dung quy phạm phạm pháp luật *(như: Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng,quy định các mức đơn giá, hiệu lực của Nghị quyết…)*. Do đó, đề nghị UBND tỉnh chỉnh sửa lại thể thức của dự thảo nghị quyết đảm bảo phù hợp, đúng quy định, thuận lợi trong quá trình điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung nghị quyết của HĐND tỉnh và quyết định của UBND tỉnh trong thời gian tới.

Tại Báo cáo số 843/BC-UBND ngày 06/12/2024, UBND tỉnh đã tiếp thu, giải trình các ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và UBMTTQVN, có điều chỉnh câu từ như ý kiến thẩm tra và điều chỉnh tỉ lệ % để tính đơn giá thuê đất đối với đất sử dụng vào mục đích khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh (trừ đất sử dụng vào mục đích khai thác khoáng sản để sản xuất vật liệu xây dựng thông thường) tăng so với dự thảo Nghị quyết đã gửi trước đây tại Tờ trình số 254/TTr-UBND ngày 15/11/2024 từ 1,2% lên 1,5%.

*Đại biểu có nhất trí với nội dung tiếp thu giải trình của UBND tỉnh không?* *Có nhất trí*  *thông qua quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất, mức đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm, mức đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn tại nghị quyết chung kỳ họp không?*

- Đối với Tờ trình dự thảo Nghị quyết điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Xây dựng hạ tầng giao thông khu vực xung quanh hồ Ba Bể:

Tại Tờ trình số 262/TTr-UBND ngày 24/11/2024, UBND tỉnh trình điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Xây dựng hạ tầng giao thông khu vực xung quanh hồ Ba Bể như sau:

Thời gian thực hiện dự án: *“Từ năm 2021 - 2024”* thành *“Năm 2021 - tháng 6 năm 2025”.*

Qua thẩm tra tại Báo cáo số 240/BC-HĐND ngày 02/12/2024, Ban Kinh tế - Ngân sách nhất trí và đề nghị đưa nội dung điều chỉnh thời gian thực hiện dự án vào quy định tại Nghị quyết kỳ họp thứ 24, không ban hành nghị quyết riêng.

*Đại biểu có nhất trí với ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách không? Có nhất trí kéo dài thời gian thực hiện dự án Xây dựng hạ tầng giao thông khu vực xung quanh hồ Ba Bể không? Ý kiến khác của đại biểu.*

- Báo cáo của Viện Kiểm sát nhân dân, Toà án nhân dân, Cục THADS tỉnh:

*Báo cáo công tác của các cơ quan tư pháp đã đánh giá đầy đủ, khách quan chưa? Cần bổ sung nội dung gì?*

- Đối với Tờ trình về việc điều chỉnh nội dung chương trình giám sát năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh: Đề nghị đại biểu lựa chọn 01 trong 02 nội dung để tổ chức giám sát trong năm 2025.

*Đại biểu có nhất trí với dự thảo nghị quyết về kết quả kỳ họp không? Ý kiến khác của đại biểu./.*

1. Gồm: (1) Khu đất đề xuất thực hiện dự án Khu đô thị mới tại tổ 9, thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn; (2) Khu đất đề xuất thực hiện dự án Cụm dân cư trung tâm xã Nam Cường, huyện Chợ Đồn [↑](#footnote-ref-1)
2. Gồm: (1) Dự án Nhà máy cấp nước tại xã Quảng Chu, huyện Chợ Mới; (3) Dự án xử lý chất thải rắn liên vùng huyện Chợ Mới; (3) Dự án đầu tư xây dựng nghĩa trang đô thị tại huyện Chợ Mới [↑](#footnote-ref-2)
3. Cụ thể: Huyện Chợ Đồn: 18 công trình, dự án; Huyện Chợ Mới: 11 công trình, dự án; Huyện Ngân Sơn: 13 công trình, dự án; Huyện Na Rì: 16 công trình, dự án; Huyện Ba Bể: 19 công trình, dự án; Huyện Bạch Thông: 11 công trình, dự án; Huyện Pác Nặm: 23 công trình, dự án. [↑](#footnote-ref-3)
4. Cụ thể: Huyện Chợ Đồn: 04 công trình, dự án; Huyện Chợ Mới: 02 công trình, dự án; Huyện Ngân Sơn: 03 công trình, dự án; Huyện Bạch Thông: 01 công trình, dự án; Huyện Ba Bể: 06 công trình, dự án; Huyện Pác Nặm: 06 công trình, dự án; Thành phố Bắc Kạn: 01 công trình, dự án. [↑](#footnote-ref-4)